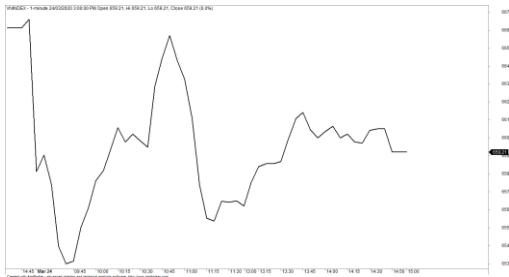


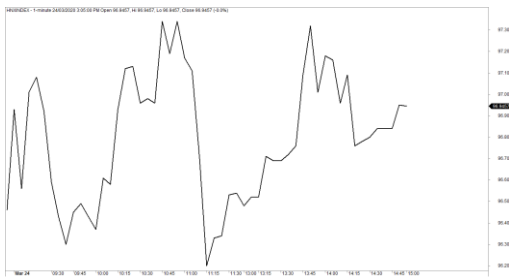
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
<b>Điểm</b>	659.21	96.95	48.51
% ngày	-1.11%	0.51%	1.98%
% tuần	-11.61%	-3.74%	-3.58%
% tháng	-27.03%	-6.94%	-12.17%
% năm	-33.33%	-10.31%	-15.24%
<b>GTGD (Tỷ VND)</b>			
Trong ngày	4,030	618	191
TB 1 tuần	4,212	600	210
TB 1 tháng	4,279	740	284
<b>Khối ngoại (Tỷ VND)</b>			
Mua	395.84	34.16	20.45
Bán	1,057.33	78.51	21.93
Giá trị ròng	-661.48	-44.34	-1.49
<b>Độ rộng TT</b>			
Mã Tăng	137	85	175
Mã Giảm	171	67	94
Không Đổi	84	221	634
<b>Chỉ số chính</b>			
P/E	10.33	8.27	12.24
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	2,326	185	689
LS Cổ tức	3.51%	6.40%	5.55%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

### VNINDEX



### HNIINDEX



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường đã có sự chững lại đã giảm cần thiết khi tiệm cận ngưỡng hỗ trợ 650 điểm. Chỉ số VN-Index chỉ còn giảm 1.11% dừng tại 659.21 điểm. Chỉ số HNX-Index ngược lại tăng 0.5% đóng cửa tại 96.95 điểm trong khi Upcom-Index cũng tăng 1.99%. Giá trị giao dịch khớp lệnh đạt 3,580 tỷ đồng toàn thị trường cho thấy lực bán đang suy yếu.

Mặc dù là phiên giảm điểm trên chỉ số VN-Index nhưng phần lớn mức giảm này đến từ nhóm cổ phiếu họ Vingroup khi VHM, VIC, VRE đóng cửa tại mức giá sàn. Ở chiều ngược lại, thị trường đã có sự phân hoá khi lực cầu giá thấp đã có sự chủ động tại các bluechips khác như GAS(+4.3%), VNM(+2.9%), BID(+2.6%), CTD(+2.4%), VCB(+1.4%) và đặc biệt BVH tăng kịch trần đóng cửa tại 34,550 đồng/cp.

Đồng thời, nhóm cổ phiếu Mid-Cap và Small-Cap cũng đã phân hoá tích cực với nhiều mã đóng cửa trong sắc xanh như DBC(+6.8%), GTN(+6.9%), HDC(+5.9%), SCR(+5.7%), DLG(+4.7%), TCM(+3%)...

Động thái khối ngoại vẫn chưa có thay đổi khi bán ròng với giá trị 707 tỷ đồng toàn thị trường. Các bluechip như MSN(82 tỷ), HPG(102 tỷ), VRE(82 tỷ) tiếp tục dẫn đầu danh sách bán ròng. Ở chiều ngược lại, VEA(6.3 tỷ), VCB(5.4 tỷ) dẫn đầu chiều mua ròng nhưng không đáng kể.

## QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ tiếp tục hồi phục trong phiên kế tiếp. Điểm tích cực là lực cầu đã cải thiện đáng kể và tâm lý cũng dần tích cực trở lại, áp lực giảm của thị trường chỉ bị tác động chính bởi bộ ba cổ phiếu nhóm VIC – VHM – VRE. Đồng thời, thị trường tiếp tục rơi sâu vào vùng quá bán cho thấy nhịp hồi phục kỹ thuật có thể sẽ còn xuất hiện trong vài phiên tới. Tuy nhiên, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục giảm cho thấy chiến lược ngắn hạn vẫn nên tiếp tục thận trọng ở nhịp hồi.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì ở mức GIẢM xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số với mức kháng cự ở mức 732.53 điểm của chỉ số VN-Index và 106.20 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư tiếp tục đứng ngoài thị trường và tận dụng các nhịp hồi phục để xem xét bán ra các cổ phiếu đã tham gia bắt đáy trước đó. Đồng thời, các nhà đầu tư nên hạn chế mua mới trong giai đoạn này.

**Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 10% cổ phiếu/90% tiền.**

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create Fortune

## BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	997	1,000	988	953
Chỉ số HNX-Index	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	106	108	99	90
Chỉ số VN30	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	835	845	822	804

We Create **Fortune**
**BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU**

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	10.10	GIẢM	GIẢM		11.29				12.73		
ACB	19.60	GIẢM	GIẢM		23.15				26.50		
ACV	44.80	GIẢM	GIẢM		53.64				65.25		
ANV	14.60	GIẢM	GIẢM		16.65				19.37		
ASM	4.40	GIẢM	GIẢM		5.23				6.26		
BFC	10.20	GIẢM	GIẢM		11.75			12.25	10.54	-13.95%	
BID	31.60	GIẢM	GIẢM		35.78				47.67		
BMP	33.50	GIẢM	GIẢM		37.23				43.43		
BSR	5.70	GIẢM	GIẢM		6.70				8.82		
BVH	34.55	GIẢM	GIẢM		38.54				55.14		
BWE	17.90	GIẢM	GIẢM		19.94				22.26		
CEO	6.40	GIẢM	GIẢM		7.44				8.65		
CII	18.75	GIẢM	GIẢM		21.29				23.80		
CMG	21.50	GIẢM	GIẢM		24.94				32.14		
CMX	10.30	GIẢM	TĂNG		11.94			13.50	9.24	-23.70%	
CSM	13.60	GIẢM	TĂNG		15.11			12.25	13.53	11.02%	
CTD	51.30	GIẢM	GIẢM		58.57				75.25		
CTG	18.30	GIẢM	GIẢM		21.24				26.66		
CTR	29.00	GIẢM	GIẢM		35.13				48.84		
CVT	14.95	GIẢM	GIẢM		16.32				19.24		
DCM	5.62	TĂNG	GIẢM	5.60	5.51	0.36%			6.22		
DGC	21.50	GIẢM	GIẢM		23.39				25.53		
DGW	17.60	GIẢM	GIẢM		21.57				28.04		
DHA	28.95	GIẢM	GIẢM		30.40				32.52		
DHC	32.00	GIẢM	GIẢM		35.50			37.70	36.02	-4.45%	BÁN
DHG	75.60	GIẢM	GIẢM		82.91				100.07		
DIG	10.75	GIẢM	GIẢM		12.26			12.55	11.62	-7.40%	BÁN
DPG	23.65	GIẢM	GIẢM		27.35				32.83		
DPM	11.40	TĂNG	GIẢM	12.05	10.76	-5.39%			12.75		
DPR	35.10	GIẢM	GIẢM		36.97				40.76		
DQC	15.30	GIẢM	GIẢM		17.60			16.00	15.57	-2.66%	MUA
DRC	16.75	GIẢM	GIẢM		18.97				23.03		
DXG	9.41	GIẢM	GIẢM		11.29				13.70		
EIB	16.00	GIẢM	GIẢM		17.16				18.35		



We Create Fortune

FCN	7.01	GIẢM	GIẢM		7.63				9.77		
FMC	17.50	GIẢM	GIẢM		20.33				23.60		
FPT	44.50	GIẢM	GIẢM		49.54				55.70		
GAS	56.20	GIẢM	GIẢM		61.69				77.30		
GEX	14.05	TĂNG	GIẢM	14.60	13.19	-3.77%			17.90		
GIL	16.40	TĂNG	GIẢM	17.20	14.97	-4.65%			20.56		
GMD	15.70	GIẢM	GIẢM		17.16				19.76		
GTN	13.90	GIẢM	GIẢM		14.89				18.55		
GVR	8.70	GIẢM	GIẢM		9.88				12.77		
HAG	2.72	GIẢM	GIẢM		3.09				3.78		
HAX	10.10	GIẢM	GIẢM		11.31				14.17		
HBC	6.96	GIẢM	GIẢM		8.41				11.24		
HCM	12.55	GIẢM	GIẢM		15.05				18.65		
HDB	19.00	GIẢM	GIẢM		22.10				28.21		
HDC	15.30	GIẢM	GIẢM		16.68				20.73		
HDG	17.65	GIẢM	GIẢM		20.69				26.92		
HNG	12.70	GIẢM	GIẢM		13.20				14.20		
HPG	17.10	GIẢM	GIẢM		19.43				22.95		
HSG	5.07	GIẢM	GIẢM		6.16				7.84		
HT1	10.90	GIẢM	GIẢM		12.58				14.50		
HUT	1.70	GIẢM	GIẢM	2.00	1.73	-13.45%	BÁN		2.33		
HVN	18.30	GIẢM	GIẢM		21.39				26.23		
KBC	10.45	GIẢM	GIẢM		12.02				15.03		
KDH	19.15	GIẢM	GIẢM		20.98				24.47		
KSB	12.60	GIẢM	GIẢM		15.81				21.21		
LCG	4.25	GIẢM	GIẢM		5.18				7.11		
LDG	5.24	GIẢM	GIẢM		6.59				7.48		
LHG	11.60	GIẢM	GIẢM		12.62				14.83		
LPB	6.10	GIẢM	GIẢM		7.35			7.40	6.90	-6.77%	BÁN
MBB	14.80	GIẢM	GIẢM		16.84				20.65		
MPC	19.20	GIẢM	TĂNG		20.47			24.10	17.84	-20.33%	
MSN	49.10	GIẢM	GIẢM		52.20				56.41		
MSR	14.60	TĂNG	GIẢM	15.00	14.16	-2.67%			16.05		
MWG	68.80	GIẢM	GIẢM		82.11				102.22		
NDN	13.70	GIẢM	GIẢM		14.93				16.36		
NKG	4.83	GIẢM	GIẢM		6.04				8.47		
NLG	18.50	GIẢM	GIẢM		22.23				26.38		
NT2	16.45	GIẢM	GIẢM		18.10				20.67		
NTL	16.05	TĂNG	GIẢM	17.50	15.04	-8.29%			20.57		



We Create Fortune

NVL	52.00	GIẢM	GIẢM		52.71				56.96		
OIL	6.50	GIẢM	GIẢM		6.70				7.69		
PAC	19.40	GIẢM	GIẢM		21.24				23.97		
PC1	11.05	GIẢM	GIẢM		12.32				15.86		
PDR	24.75	GIẢM	GIẢM		26.16			29.00	25.19	-13.13%	
PHR	37.20	GIẢM	GIẢM		43.45			47.20	38.94	-17.50%	
PLX	37.50	TĂNG	GIẢM	42.10	37.06	-10.93%			48.63		
PNJ	51.40	GIẢM	GIẢM		57.95				79.11		
POW	7.53	GIẢM	GIẢM		9.18				10.61		
PVT	7.60	GIẢM	GIẢM		9.09				12.55		
PPC	20.70	GIẢM	GIẢM		23.27				27.54		
PTB	34.00	GIẢM	GIẢM		40.12				60.93		
PVB	9.30	GIẢM	GIẢM		11.64				15.42		
PVD	8.18	GIẢM	GIẢM		9.51				12.51		
PVI	26.80	GIẢM	GIẢM		29.43				32.26		
PVS	10.20	GIẢM	GIẢM		12.04				15.66		
PXS	2.96	GIẢM	GIẢM		3.60				5.26		
QNS	20.90	GIẢM	GIẢM		22.88				27.42		
REE	28.20	GIẢM	GIẢM		30.81				32.65		
SAB	115.50	GIẢM	GIẢM		139.05				175.86		
SAM	9.04	GIẢM	TĂNG		9.70			7.40	8.90	22.16%	
SCR	4.05	TĂNG	GIẢM	4.38	3.81	-7.53%			5.50		
SHI	8.35	GIẢM	GIẢM		8.47				9.47		
SJS	17.20	TĂNG	TĂNG	18.60	16.18	-7.53%		17.00	16.65	1.18%	
SKG	8.00	GIẢM	GIẢM		9.55				11.60		
SSI	12.50	GIẢM	GIẢM		14.63				16.93		
STB	8.80	GIẢM	GIẢM		10.43				12.28		
TCB	16.10	GIẢM	GIẢM		18.39				22.22		
TCM	12.15	GIẢM	GIẢM		13.57				19.02		
TDH	6.11	GIẢM	GIẢM		7.36				9.47		
TLH	2.65	GIẢM	GIẢM		3.14				3.58		
TNG	9.10	GIẢM	GIẢM		12.12			15.50	13.32	-14.04%	BÁN
VCB	58.00	GIẢM	GIẢM		65.10				84.83		
VCG	24.50	GIẢM	GIẢM		25.24				26.09		
VCS	52.40	GIẢM	GIẢM		59.93				72.44		
VGC	13.40	GIẢM	GIẢM		15.87				18.67		
VGT	6.70	GIẢM	GIẢM		7.76				8.92		
VHC	21.10	GIẢM	GIẢM		25.75				34.08		
VHM	55.30	GIẢM	GIẢM		67.91				83.03		



We Create Fortune

VIB	13.60	GIẢM	GIẢM		15.58				18.56		
VIC	71.50	GIẢM	GIẢM		86.96				103.55		
VIP	4.09	GIẢM	GIẢM		4.59				5.24		
VJC	96.50	GIẢM	GIẢM		106.24				120.59		
VND	11.50	GIẢM	GIẢM		13.18				14.82		
VNG	12.00	GIẢM	GIẢM		14.23				16.90		
VNM	86.10	GIẢM	GIẢM		93.78				110.64		
VPB	19.50	GIẢM	GIẢM		22.61				28.15		
VPI	41.35	GIẢM	TĂNG		41.91			41.30	40.58	0.12%	
VRC	5.65	TĂNG	GIẢM	6.01	5.21	-5.99%			9.21		
VRE	17.70	GIẢM	GIẢM		21.81				29.49		
VSC	19.60	GIẢM	GIẢM		21.58				25.25		

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGECAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	19.60	GIẢM	GIẢM		23.15				26.50		
BID	31.60	GIẢM	GIẢM		35.78				47.67		
BSR	5.70	GIẢM	GIẢM		6.70				8.82		
BVH	34.55	GIẢM	GIẢM		38.54				55.14		
CTG	18.30	GIẢM	GIẢM		21.24				26.66		
FPT	44.50	GIẢM	GIẢM		49.54				55.70		
GAS	56.20	GIẢM	GIẢM		61.69				77.30		
GEX	14.05	TĂNG	GIẢM	14.60	13.19	-3.77%	BÁN		17.90		
GVR	8.70	GIẢM	GIẢM		9.88				12.77		
HDB	19.00	GIẢM	GIẢM		22.10				28.21		
HNG	12.70	GIẢM	GIẢM		13.20				14.20		
HPG	17.10	GIẢM	GIẢM		19.43				22.95		
HVN	18.30	GIẢM	GIẢM		21.39				26.23		
KDH	19.15	GIẢM	GIẢM		20.98				24.47		
MBB	14.80	GIẢM	GIẢM		16.84				20.65		
MSN	49.10	GIẢM	GIẢM		52.20				56.41		
MWG	68.80	GIẢM	GIẢM		82.11				102.22		
NVL	52.00	GIẢM	GIẢM		52.71				56.96		
OIL	6.50	GIẢM	GIẢM		6.70				7.69		
PLX	37.50	TĂNG	GIẢM	42.10	37.06	-10.93%	BÁN		48.63		
PNJ	51.40	GIẢM	GIẢM		57.95				79.11		

We Create Fortune

POW	7.53	GIẢM	GIẢM		9.18				10.61		
QNS	20.90	GIẢM	GIẢM		22.88				27.42		
REE	28.20	GIẢM	GIẢM		30.81				32.65		
ROS	4.54	GIẢM	GIẢM		5.85				9.89		
SBT	12.75	GIẢM	GIẢM		15.68				20.63		
SSI	12.50	GIẢM	GIẢM		14.63				16.93		
STB	8.80	GIẢM	GIẢM		10.43				12.28		
TCB	16.10	GIẢM	GIẢM		18.39				22.22		
TPB	21.95	TĂNG	GIẢM	21.90	19.63	0.23%	BÁN		23.94		
VCB	58.00	GIẢM	GIẢM		65.10				84.83		
VCG	24.50	GIẢM	GIẢM		25.24				26.09		
VCS	52.40	GIẢM	GIẢM		59.93				72.44		
VEA	29.90	GIẢM	GIẢM		32.06				59.45		
VGI	20.40	GIẢM	GIẢM		24.00				29.05		
VHM	55.30	GIẢM	GIẢM		67.91				83.03		
VIB	13.60	GIẢM	GIẢM		15.58				18.56		
VIC	71.50	GIẢM	GIẢM		86.96				103.55		
VJC	96.50	GIẢM	GIẢM		106.24				120.59		
VNM	86.10	GIẢM	GIẢM		93.78				110.64		
VPB	19.50	GIẢM	GIẢM		22.61				28.15		
VRE	17.70	GIẢM	GIẢM		21.81				29.49		

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	10.10	GIẢM	GIẢM		11.29				12.73		
ANV	14.60	GIẢM	GIẢM		16.65				19.37		
ASM	4.40	GIẢM	GIẢM		5.23				6.26		
BMI	14.75	GIẢM	GIẢM		17.94				23.13		
BMP	33.50	GIẢM	GIẢM		37.23				43.43		
BWE	17.90	GIẢM	GIẢM		19.94				22.26		
CEO	6.40	GIẢM	GIẢM		7.44				8.65		
CII	18.75	GIẢM	GIẢM		21.29				23.80		
CRE	15.80	GIẢM	GIẢM		16.90				22.37		
CTI	21.30	TĂNG	GIẢM	22.20	20.69	-4.05%			23.07		
CTR	29.00	GIẢM	GIẢM		35.13				48.84		
D2D	46.20	GIẢM	GIẢM		53.20				67.03		

We Create Fortune

DBD	46.50	GIẢM	GIẢM		46.94			52.90		
DCM	5.62	TĂNG	GIẢM	5.60	5.51	0.36%		6.22		
DGW	17.60	GIẢM	GIẢM		21.57			28.04		
DHC	32.00	GIẢM	GIẢM		35.50		37.70	36.02	-4.45%	BÁN
DIG	10.75	GIẢM	GIẢM		12.26		13.20	11.62	-11.96%	BÁN
DPG	23.65	GIẢM	GIẢM		27.35			32.83		
DPM	11.40	TĂNG	GIẢM	12.05	10.76	-5.39%		12.75		
DRC	16.75	GIẢM	GIẢM		18.97			23.03		
DXG	9.41	GIẢM	GIẢM		11.29			13.70		
E1VFN30	10.40	GIẢM	GIẢM		11.52			13.89		
FCN	7.01	GIẢM	GIẢM		7.63			9.77		
FLC	3.14	GIẢM	GIẢM		3.80			4.46		
GEG	19.15	GIẢM	GIẢM		21.63			24.79		
GMD	15.70	GIẢM	GIẢM		17.16			19.76		
GTN	13.90	GIẢM	GIẢM		14.89			18.55		
HAG	2.72	GIẢM	GIẢM		3.09			3.78		
HBC	6.96	GIẢM	GIẢM		8.41			11.24		
HCM	12.55	GIẢM	GIẢM		15.05			18.65		
HDC	15.30	GIẢM	GIẢM		16.68			20.73		
HDG	17.65	GIẢM	GIẢM		20.69			26.92		
HPX	30.00	TĂNG	#N/A	27.75	27.94	8.11%	35.30	#N/A	#N/A	
HSG	5.07	GIẢM	GIẢM		6.16			7.84		
HT1	10.90	GIẢM	GIẢM		12.58			14.50		
HTM	11.10	GIẢM	GIẢM		13.59			17.41		
IBC	21.00	TĂNG	GIẢM	20.80	20.27	0.96%		21.22		
IDI	3.50	GIẢM	GIẢM		4.04			4.74		
IJC	9.03	GIẢM	GIẢM		10.24			13.73		
ITA	2.00	GIẢM	GIẢM		2.21			2.48		
KBC	10.45	GIẢM	GIẢM		12.02			15.03		
KDC	15.45	GIẢM	GIẢM		16.98			19.02		
KOS	27.00	GIẢM	TĂNG		28.51		26.30	26.55	2.66%	
KSB	12.60	GIẢM	GIẢM		15.81			21.21		
LDG	5.24	GIẢM	GIẢM		6.59			7.48		
LPB	6.10	GIẢM	GIẢM		7.35		7.40	6.90	-6.77%	BÁN
MBG	7.30	GIẢM	GIẢM		10.88			24.80		
MBS	8.60	GIẢM	GIẢM		9.82			11.54		
MPC	19.20	GIẢM	TĂNG		20.47		24.10	17.84	-20.33%	
NBB	18.60	TĂNG	GIẢM	20.05	18.00	-7.23%		21.34		



We Create Fortune

NKG	4.83	GIẢM	GIẢM		6.04			8.47		
NLG	18.50	GIẢM	GIẢM		22.23			26.38		
NT2	16.45	GIẢM	GIẢM		18.10			20.67		
NTL	16.05	TĂNG	GIẢM	17.00	15.04	-5.59%		20.57		
NVB	8.40	GIẢM	GIẢM		9.08		8.50	8.62	1.36%	BÁN
OGC	2.72	GIẢM	GIẢM		3.12			3.57		
PC1	11.05	GIẢM	GIẢM		12.32			15.86		
PDR	24.75	GIẢM	GIẢM		26.16		23.59	25.19	6.76%	
PHR	37.20	GIẢM	GIẢM		43.45		47.20	38.94	-17.50%	
PPC	20.70	GIẢM	GIẢM		23.27			27.54		
PTB	34.00	GIẢM	GIẢM		40.12			60.93		
PVD	8.18	GIẢM	GIẢM		9.51			12.51		
PVI	26.80	GIẢM	GIẢM		29.43			32.26		
PVS	10.20	GIẢM	GIẢM		12.04			15.66		
PVT	7.60	GIẢM	GIẢM		9.09			12.55		
QCG	7.65	GIẢM	TĂNG		9.26		4.28	5.88	78.74%	
SCR	4.05	TĂNG	GIẢM	4.25	3.81	-4.71%		5.50		
SGP	5.00	GIẢM	GIẢM		5.67			7.06		
SHB	11.90	GIẢM	TĂNG		12.10		7.10	9.06	67.61%	
SHS	6.10	GIẢM	GIẢM		7.44			8.66		
SZC	13.65	GIẢM	GIẢM		15.58			18.92		
TCH	18.20	GIẢM	GIẢM		23.33			32.78		
TCM	12.15	GIẢM	GIẢM		13.57			19.02		
TDH	6.11	GIẢM	GIẢM		7.36			9.47		
TNG	9.10	GIẢM	GIẢM		12.12		15.50	13.32	-14.04%	BÁN
TTB	2.56	GIẢM	GIẢM		3.10			4.82		
VGC	13.40	GIẢM	GIẢM		15.87			18.67		
VGT	6.70	GIẢM	GIẢM		7.76			8.92		
VHC	21.10	GIẢM	GIẢM		25.75			34.08		
VND	11.50	GIẢM	GIẢM		13.18			14.82		
VNG	12.00	GIẢM	GIẢM		14.23			16.90		
VPI	41.35	GIẢM	TĂNG		41.91		41.30	40.58	0.12%	



We Create Fortune

**BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS**

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	4.40	GIẢM	GIẢM		5.18				7.06		
AGR	2.60	GIẢM	GIẢM		2.99				3.53		
AMD	3.91	GIẢM	TĂNG		4.75			3.06	2.79	27.78%	
APG	8.25	GIẢM	GIẢM		8.89				11.01		
ART	2.50	GIẢM	TĂNG		3.20			2.30	2.12	8.70%	
BCG	5.10	GIẢM	GIẢM		6.03				7.24		
C4G	4.10	GIẢM	GIẢM		4.85				6.05		
C69	4.90	GIẢM	GIẢM		5.84				9.36		
CCL	4.70	GIẢM	GIẢM		5.56				7.23		
CVT	14.95	GIẢM	GIẢM		16.32				19.24		
DAH	7.89	GIẢM	GIẢM		8.96				10.25		
DLG	1.80	TĂNG	GIẢM	1.93	1.64	-6.74%			2.21		
DRH	3.85	GIẢM	GIẢM		4.93			4.70	4.74	0.88%	BÁN
DTD	9.30	GIẢM	GIẢM		10.91				13.37		
EVG	2.32	GIẢM	GIẢM		2.53				2.73		
FIT	5.95	GIẢM	GIẢM		7.16				8.27		
FTM	1.50	GIẢM	GIẢM		1.76				2.76		
FUES SV50	9.30	GIẢM	GIẢM		10.44				11.94		
GKM	15.10	GIẢM	TĂNG		15.66			14.90	14.87	1.34%	
HAH	8.70	GIẢM	GIẢM		9.40				11.26		
HAI	3.67	GIẢM	TĂNG		4.56			3.34	2.40	9.88%	
HAR	2.55	GIẢM	GIẢM		3.11				3.80		
HDA	6.70	GIẢM	GIẢM		7.25				8.65		
HHP	13.40	TĂNG	TĂNG	13.80	12.49	-2.90%		13.20	11.66	1.52%	
HHS	3.56	GIẢM	GIẢM		3.95				5.17		
HID	2.34	GIẢM	GIẢM		2.85			2.63	2.35	-10.73%	
HII	12.60	GIẢM	TĂNG		13.58			11.00	11.88	14.55%	
HQC	1.11	GIẢM	TĂNG		1.33			1.15	0.95	-3.48%	
HSL	4.45	GIẢM	GIẢM		4.99				6.47		
HUT	1.70	GIẢM	GIẢM	2.00	1.73	-13.45%	BÁN		2.33		
HVG	4.86	GIẢM	GIẢM		6.22				7.68		
HVH	8.90	GIẢM	GIẢM		9.46				12.52		
IDJ	18.70	TĂNG	GIẢM	16.50	13.93	13.33%			19.86		

We Create Fortune

JVC	2.65	GIẢM	GIẢM		3.20				3.79		
KLF	1.90	TĂNG	TĂNG	1.60	1.78	18.75%		1.50	1.33	26.67%	
LCG	4.25	GIẢM	GIẢM		5.18				7.11		
LGL	4.50	GIẢM	GIẢM		5.35				6.59		
LHG	11.60	GIẢM	GIẢM		12.62				14.83		
LMH	1.39	GIẢM	GIẢM		1.71				3.52		
MST	3.80	GIẢM	GIẢM		5.10				6.97		
NDN	13.70	GIẢM	GIẢM		14.93				16.36		
PHC	9.80	GIẢM	GIẢM		10.41				11.33		
PLP	6.98	GIẢM	GIẢM		8.19				10.52		
PVB	9.30	GIẢM	GIẢM		11.64				15.42		
PVC	4.60	GIẢM	GIẢM		5.28				6.37		
PVX	0.70	GIẢM	GIẢM		1.07				1.22		
PXL	7.90	TĂNG	TĂNG	8.10	7.37	-2.47%		6.70	6.88	17.91%	
SHI	8.35	GIẢM	GIẢM		8.47				9.47		
SJF	1.26	GIẢM	GIẢM		1.50				1.87		
SPP	1.30	GIẢM	GIẢM		1.45				1.85		
TDC	6.80	GIẢM	GIẢM		7.56				8.44		
TIG	4.30	GIẢM	GIẢM		5.75			3.20	5.94	85.76%	BÁN
TLH	2.65	GIẢM	GIẢM		3.14				3.58		
TNA	14.50	GIẢM	GIẢM		16.16				21.27		
TNI	9.85	GIẢM	GIẢM		10.19				10.85		
TSC	2.16	GIẢM	GIẢM		2.43				2.78		
TTF	2.15	GIẢM	GIẢM		2.68			2.85	2.40	-15.81%	
TTH	2.00	GIẢM	GIẢM		2.36				2.75		
TVC	28.80	GIẢM	TĂNG		29.80			14.30	26.65	101.40%	
VC3	15.40	GIẢM	GIẢM		15.76				16.81		
VCR	8.30	GIẢM	TĂNG		10.39			12.90	7.61	-35.66%	
VNA	2.10	GIẢM	GIẢM		2.55				3.42		
VNE	3.39	GIẢM	GIẢM		3.60			3.85	3.41	-11.50%	BÁN
VRC	5.65	TĂNG	GIẢM	6.01	5.21	-5.99%			9.21		

We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)			Sàn GDCK Hà Nội (HSX)			Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%		Điểm	Chg%		Điểm	Chg%
VNI	659.21	-1.11%	HNI	96.95	0.51%	UPCoM	48.51	1.98%
VN30	625.43	-1.17%	HN30	174.98	0.10%			
VN Mid	696.84	-0.46%	VNX	601.96	-1.41%			
VN Small	610.14	-0.21%	AllSh					

GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	395.84		Mua	34.16		Mua	20.45	
Bán	1057.33		Bán	78.51		Bán	21.93	
GT rỗng	-661.48		GT rỗng	-44.34		GT rỗng	-1.49	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
BVH	2250	6.97%	NDN	800	6.20%	MCH	6700	12.57%
GTN	900	6.92%	IDJ	600	3.31%	PXL	400	5.33%
HHS	230	6.91%	VCS	1100	2.14%	OIL	300	4.84%
DBC	1100	6.81%	PLC	200	1.83%	VEA	1100	3.82%
PAN	1250	6.78%	ACB	300	1.55%	BSR	200	3.64%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VNG	-900	-6.98%	TNG	-1000	-9.90%	HNF	-3400	-14.85%
ROS	-340	-6.97%	TAR	-1200	-3.67%	EVF	-200	-2.78%
YEG	-3400	-6.96%	L14	-1500	-2.96%	BAB	-100	-0.57%
BMI	-1100	-6.94%	BVS	-200	-2.38%	QNS	-100	-0.48%
NKG	-360	-6.94%	CEO	-100	-1.54%	ACV	-200	-0.44%

\*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	259,771		ACB	31,971		ACV	98,067	
VCB	212,148		SHB	20,713		VEA	38,281	
VHM	195,397		VCG	10,734		MCH	37,575	
VNM	145,753		VCS	8,208		BCM	18,129	
BID	123,878		VIF	6,370		MVN	17,417	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
HPG	14,160,390	8,069,165	SHB	14,388,129	23,168,724	LPB	2,750,936	3,682,083
FLC	11,109,132	12,298,553	KLF	9,604,678	4,542,487	EVF	2,095,355	115,210
HQC	10,814,460	9,235,107	ART	6,278,153	3,614,655	BSR	1,470,085	3,255,045
DLG	8,513,590	8,432,920	ACB	5,827,348	6,629,963	ILS	1,226,800	6,267
MBB	7,842,560	7,129,171	HUT	4,694,349	3,268,504	VIB	873,017	1,676,311

Nguồn: Bloomberg & YSVN

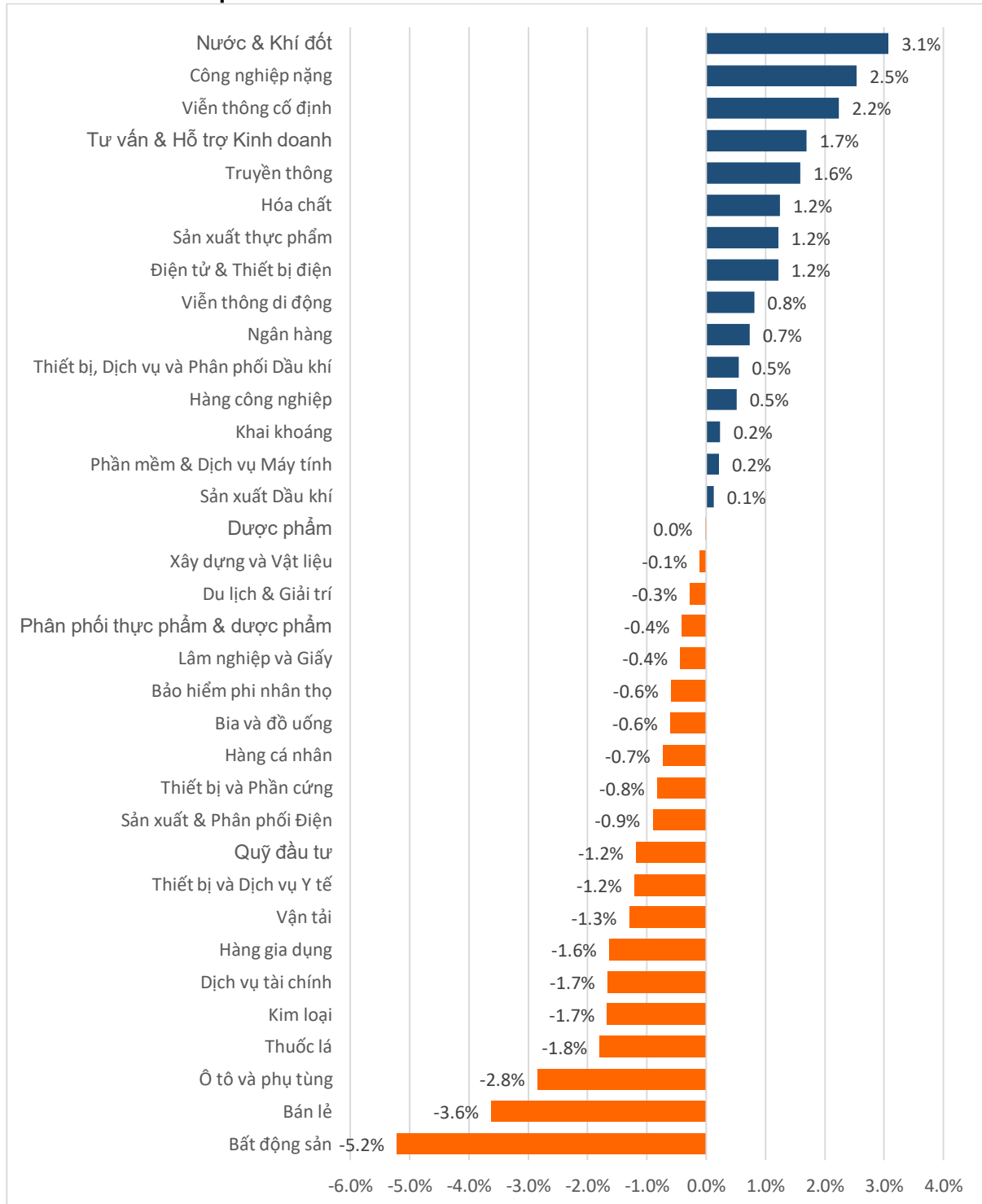
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



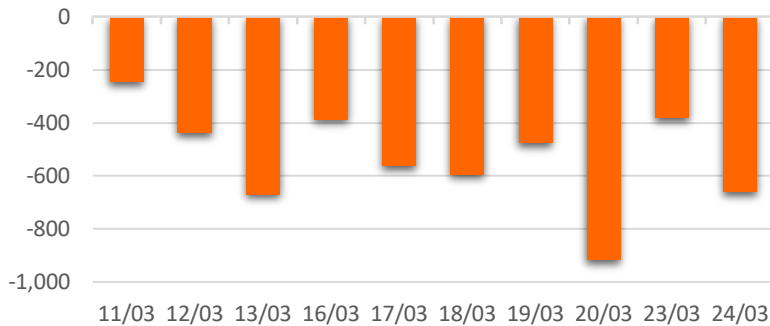
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

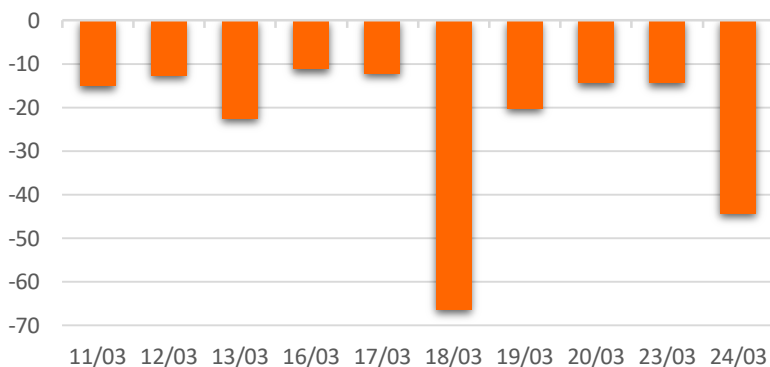
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
<b>VCB</b>	5,394	<b>MSN</b>	113,455
<b>CTG</b>	3,435	<b>HPG</b>	101,919
<b>PHR</b>	1,528	<b>VRE</b>	81,968
<b>FPT</b>	1,251	<b>SVC</b>	67,430
<b>APG</b>	994	<b>VHM</b>	54,298

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

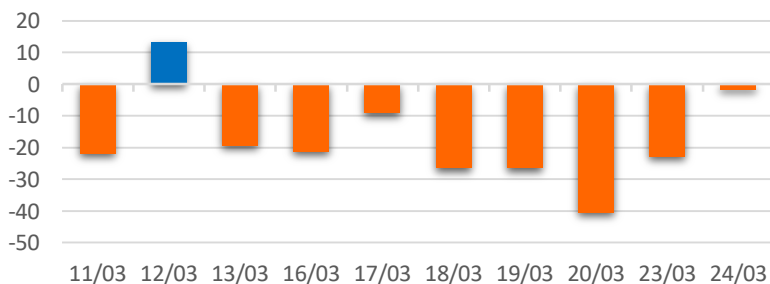
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
<b>ART</b>	1,439	<b>PVS</b>	29,590
<b>TIG</b>	245	<b>TNG</b>	13,033
<b>LAS</b>	113	<b>BVS</b>	1,642
<b>SDT</b>	107	<b>VCS</b>	368
<b>PVI</b>	81	<b>VC3</b>	272

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại  
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
<b>VEA</b>	6,372	<b>QNS</b>	3,875
<b>KDF</b>	418	<b>ACV</b>	1,432
<b>MCH</b>	168	<b>VIB</b>	1,360
<b>HND</b>	115	<b>BSR</b>	212
<b>TTD</b>	95	<b>CTR</b>	58

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



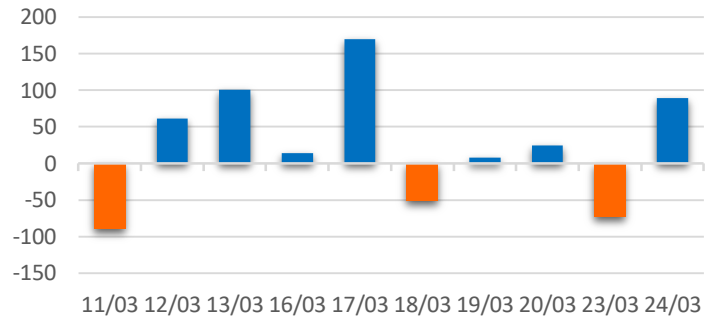
We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

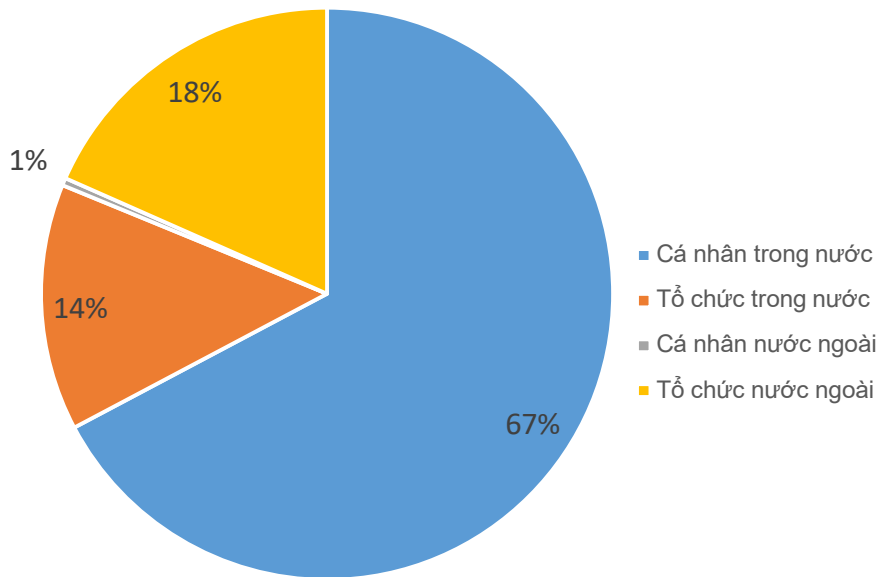
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
FPT	19,775	MWG	19,864
TCB	15,553	E1VFN30	19,429
VPB	15,331	MSN	14,298
MSN	15,044	VNM	10,574
HPG	13,936	TCB	8,475

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



## CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

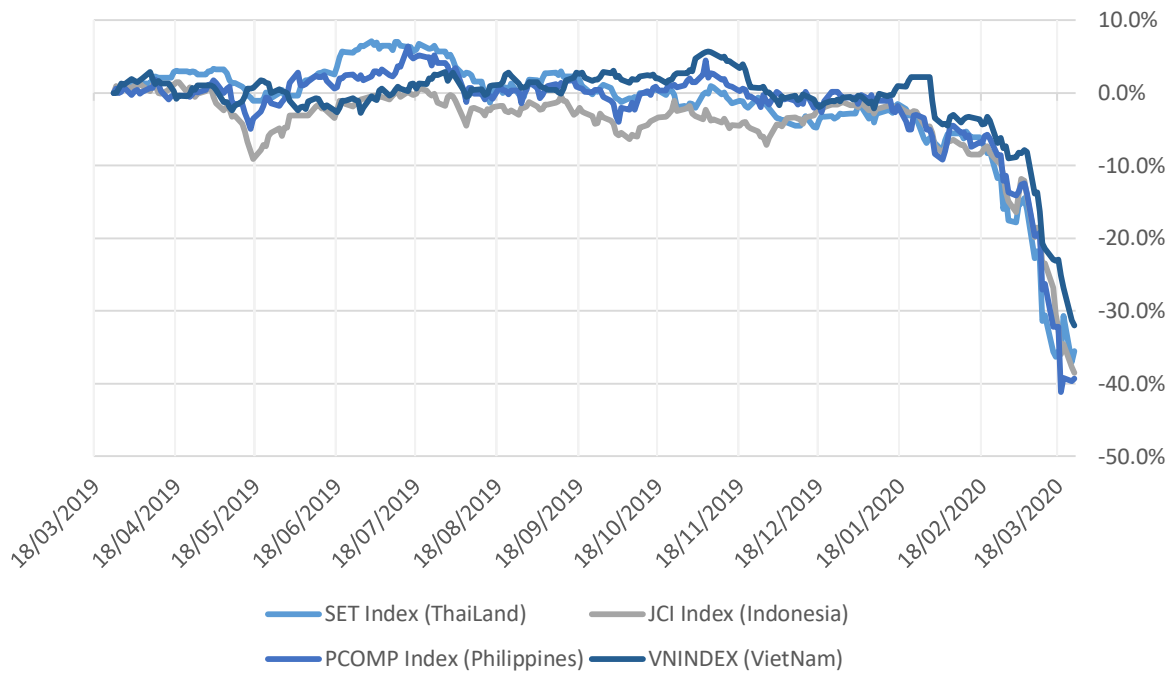


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

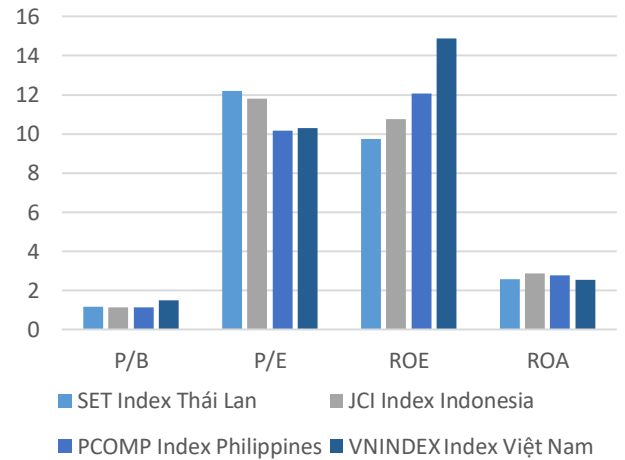
### Diễn biến các thị trường trong khu vực



#### Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.1x	1.1x	1.1x	1.5x
P/E		12.2x	11.8x	10.2x	10.3x
ROE	%	9.76	10.76	12.07	14.88
ROA	%	2.58	2.85	2.75	2.54
Vốn hóa	Tỷ USD	334.08	281.02	117.03	98.48
GTGD	Triệu USD	1.69	0.24	0.08	0.13
LS cổ tức	%	4.84	4.04	2.67	2.83

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

### Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thế Minh**

**Giám đốc Nghiên cứu Phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

**Lý Thị Hiền**

**Trưởng phòng NC-PT**

+84 28 3622 6868 ext 3908

hien.ly@yuanta.com.vn

**Quách Đức Khánh**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3833

khankh.quach@yuanta.com.vn

**Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng**

**Chuyên viên phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

**Phạm Tấn Phát**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

### Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thanh Tùng**

**Giám đốc Môi giới Hội Sở**

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

**Nguyễn Việt Quang**

**Giám đốc chi nhánh Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

**Võ Thị Thu Thủy**

**Giám đốc chi nhánh Bình Dương**

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

**Nguyễn Mạnh Hoạt**

**Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn**

+84 28 3622 6868 ext 3847

hoat.nguyen@yuanta.com.vn

**Bùi Quốc Phong**

**Giám đốc chi nhánh Đồng Nai**

+84 28 3622 6868 ext 3701

phong.bui@yuanta.com.vn

**Chung Kim Hoa**

**Giám đốc Khối khách hàng người Hoa**

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

**Đinh Thị Thu Cúc**

**Giám đốc chi nhánh Vũng Tàu**

+84 28 3622 6868 ext 3203

cuc.dinh@yuanta.com.vn

**Võ Đình Tuấn**

**Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng**

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn

**Nguyễn Đức Hoàn**

**Giám đốc trung tâm kinh doanh Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn



We Create Fortune

## Appendix A: Important Disclosures

### Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

### Ratings Definitions

**BUY:** We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

**HOLD-Outperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**HOLD-Underperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**SELL:** We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

**Under Review:** We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

**Restricted:** The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

### Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or in any form or manner, without the express written